

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày 06-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa

Bà Tô Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vy Tiến Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 08 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2024/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã N1; địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn H, sinh năm 1973, chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã N1; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn H1, sinh năm 1968, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-HTX ngày 03/01/2024); có mặt.

- Bị đơn: Hợp tác xã H11; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang Văn L, sinh năm 1948, chức vụ: Giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã H11; địa chỉ: Số nhà F, khối A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn:

1. Ông Phùng Văn H2, sinh năm 1976; vắng mặt.

2. Ông Phùng Văn H3, sinh năm 1965; vắng mặt.
3. Bà Mã Thị H4, sinh năm 1976; vắng mặt.
4. Ông Nông Văn T, sinh năm 1984; vắng mặt.
5. Ông Lộc Văn T1, sinh năm 1969; vắng mặt.
6. Ông Trương Văn T2, sinh năm 1985; vắng mặt.
7. Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1962; vắng mặt.
8. Ông Nông Văn H5, sinh năm 1983, vắng mặt.
9. Bà Mã Thị H6, sinh năm 1974, vắng mặt.
10. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1966; vắng mặt.
11. Ông Nông Văn T3, sinh năm 1972; vắng mặt.
12. Ông Lê Văn S, sinh năm 1968; vắng mặt.
13. Ông Vi Xuân H7, sinh năm 1962; vắng mặt.
14. Ông Lãng Văn D, sinh năm 1972; vắng mặt.
15. Ông Lê Văn C, sinh năm 1983, vắng mặt.
16. Ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1984, vắng mặt.
17. Ông Lê Văn T4, sinh năm 1969; vắng mặt.
18. Ông Mã Văn T5, sinh năm 1959; vắng mặt.
19. Ông Chu Văn L2, sinh năm 1962; vắng mặt.
20. Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1973; vắng mặt.
21. Ông Trương Văn T6, sinh năm 1972; vắng mặt.
22. Ông Lê Văn B, sinh năm 1968; vắng mặt.
23. Bà Nông Thị U, sinh năm 1967; vắng mặt.
24. Bà Đinh Thị C1, sinh năm 1972; vắng mặt.
25. Bà Hà Thị T7, sinh năm 1974; vắng mặt.
26. Ông Lê Văn A, sinh năm 1986; vắng mặt.
27. Bà Lương Thị L3, sinh năm 1963; vắng mặt.
28. Bà Mã Thị H9, sinh năm 1981; vắng mặt.
29. Ông Lê Văn N, sinh năm 1971; vắng mặt.
30. Bà Trịnh Thị B1, sinh năm 1956; vắng mặt.
31. Ông Lâm Văn M, sinh năm 1988; vắng mặt.
32. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1963; vắng mặt.
33. Bà Đinh Thị Q, sinh năm 1961; có mặt.
34. Bà Hoàng Thị Đ2, sinh năm 1960; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Ông Lý Văn H1, sinh năm 1968, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy

ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2024); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:* Bà Lý Bích L4, sinh năm 1970, chức vụ: Phó giám đốc Hợp tác xã H11 - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã H11, địa chỉ: Số A N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2024, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Văn H1 trình bày:

Năm 2018 Hợp tác xã Hợp T8 và Hợp tác xã N1 ký hợp đồng số 03/HĐ-KT ngày 29/11/2018 về việc cung cấp giống nghệ đen và phân bón hữu cơ. Sau đó, triển khai thực hiện tại thôn Bản Khoai, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với tổng số hộ gia đình tham gia là 34 hộ, diện tích thực hiện 3,6ha. Hợp tác xã N1 đứng ra thay mặt 34 hộ dân để giao dịch mua bán nghệ với Hợp tác xã H11. Đến tháng 4/2019, thì hoàn tất việc thu mua sản phẩm nghệ đen tại xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình thu mua nghệ đen, hai Hợp tác xã làm việc trực tiếp với các hộ dân về việc cân, đóng bao nghệ đen và được tổng hợp và theo dõi trong sổ sách.

Ngày 31/8/2019 Hợp tác xã N1 và Hợp tác xã H11 đã cùng nhau thống nhất đối chiếu công nợ cụ thể, tính đến ngày 31/8/2019 Hợp tác xã Hợp T8 còn phải thanh toán tiền mua nghệ đen cho Hợp tác xã N1 tổng số tiền 270.255.525 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Tiếp đến ngày 12/5/2020 Hợp tác xã N1 và Hợp tác xã H11 đã có buổi làm việc và hai bên đã thống nhất về thời gian hoàn thiện chi trả số tiền nghệ đen đã thu mua của Hợp tác xã N1 là trả trước ngày 12/6/2020. Tuy nhiên, đến nay Hợp tác xã Hợp T8 chưa trả số tiền trên.

Nay Hợp tác xã N1 yêu cầu Hợp tác xã H11 trả cho Hợp tác xã N1 số tiền thu mua nghệ đen là 270.255.525 đồng, làm tròn là 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu trả thêm khoản lãi chậm trả phát sinh từ ngày 12/6/2020, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2024. Lãi suất tính theo Ngân hàng N2 là 8% trên một năm, cụ thể với số tiền lãi là 91.634.956 đồng (chín mươi một triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 361.889.956 đồng (ba trăm sáu mươi một triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng). Đối với số tiền này, sau khi Hợp tác xã H11 thanh toán, Hợp tác xã N1 sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các hộ dân đã bán nghệ.

Người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã N1 ông Nông Văn H: Nhất trí với lời trình bày của ông Lý Văn H1, không bổ sung thêm vấn đề gì.

Tại Bản tự khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã H11 ông Giang Văn L trình bày: Theo yêu cầu khởi

kiện của Hợp tác xã N1 yêu cầu Hợp tác xã H11 trả cho Hợp tác xã N1 số tiền thu mua nghệ đen 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) ông đồng ý trả, đối với phần lãi chậm trả ông đồng ý mức như phía nguyên đơn đưa ra theo Ngân hàng N2 là 8% trên một năm, nhưng ông vẫn mong Hợp tác xã N1 xem xét miễn tiền lãi cho Hợp tác xã H11, vì hiện nay Hợp tác xã H11 đang rất khó khăn không có khả năng trả tiền lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía bị đơn bà Lý Bích L4 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai bà trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của ông Giang Văn L, Hợp tác xã H11 sẽ có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã N1 số tiền thu mua nghệ đen 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng), và đồng ý mức lãi suất là 8%/năm theo mức lãi suất của Ngân hàng N2 như nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên Hợp tác xã Hợp Thịnh hiện nay đang rất khó khăn nên bà đề nghị Hợp tác xã N1 xem xét miễn tiền lãi chậm trả cho Hợp tác xã H11.

Đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía bị đơn ông Lý Văn H1 trình bày: Năm 2018, dự án mô hình: “Liên kết sản xuất cây nghệ đen gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn” được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 4151/QĐ-UBND, ngày 08/8/2018. Sau đó được triển khai thực hiện tại thôn Bản Khoai, xã Y với tổng số hộ gia đình tham gia là: 34 hộ; diện tích thực hiện: 3,6 ha. Trong quá trình thực hiện dự án Hợp tác xã N1 là đơn vị ký kết hợp đồng với Hợp tác xã H11 và Hợp tác xã H11 là đơn vị cung cấp giống và phân cho các gia đình chúng tôi, đồng thời thu mua sản phẩm nghệ đen của gia đình chúng tôi. Tại thời điểm thực hiện dự án, người đại diện của Hợp tác xã H11 là bà Lý Bích L4 với chức vụ Giám đốc. Tháng 4/2019 thì hoàn tất việc thu mua sản phẩm nghệ đen tại xã Y, trong quá trình thu mua, Hợp tác xã H11 làm việc trực tiếp Hợp tác xã N1 và các hộ dân về việc cân, đóng bao nghệ đen. Các mã cân được tổng hợp theo công nợ được trực tiếp bà Lý Bích L4 tổng hợp ký xác nhận. Hiện nay Hợp tác xã N1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hợp tác xã Hợp Thịnh trả khoản nợ chưa thanh toán tiền nghệ tổng số tiền là 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và lãi chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng N2 kể từ ngày Hợp tác xã Hợp Thịnh chưa trả tiền đến nay, chúng tôi nhất trí những yêu cầu của Hợp tác xã N1 đối với Hợp tác xã H11, chúng tôi không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía bị đơn bà Đinh Thị Q, bà Hoàng Thị Đ2 có mặt tại phiên tòa: Nhất trí như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền ông Lý Văn H1, không bổ sung ý kiến gì.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo

quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu về việc giải quyết nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Hợp tác xã Hợp Thịnh trả cho Hợp tác xã N1 số tiền thu mua nghệ đen là 270.255.525 đồng, làm tròn là 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu trả thêm khoản lãi chậm trả phát sinh từ ngày 12/6/2020, tạm tính đến nay ngày 06/9/2024. Lãi suất tính theo ngân hàng N2 là 8% trên một năm, với số tiền lãi là 91.634.956 đồng (chín mươi một triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 361.889.956 đồng. Về án phí: Hợp tác xã Hợp Thịnh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Giang Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn bà Lý Bích L4; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn ông Phùng Văn H2, ông Phùng Văn H3, bà Mã Thị H4, ông Nông Văn T, ông Lộc Văn T1, ông Trương Văn T2, ông Hoàng Văn P, ông Nông Văn H5, Bà Mã Thị H6, ông Lê Văn L1, ông Nông Văn T3, ông Lê Văn S, ông Vi Xuân H7, ông Lăng Văn D, ông Lê Văn C, ông Nguyễn Văn H8, ông Lê Văn T4, ông Mã Văn T5, ông Chu Văn L2, ông Lương Văn Đ, ông Trương Văn T6, ông Lê Văn B, bà Nông Thị U, bà Đinh Thị C1, bà Hà Thị T7, ông Lê Văn A, bà Lương Thị L3, bà Mã Thị H9, ông Lê Văn N, bà Trịnh Thị B1, ông Lâm Văn M, ông Trần Văn Đ1. Ông Giang Văn L và bà Lý Bích L4 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền là ông Lý Văn H1. Do đó, Tòa án căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người vắng mặt trên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp tác xã N1 và Hợp tác xã H11 ký kết hợp đồng mua bán về việc cung cấp giống nghệ đen và phân bón hữu cơ. Nếu không tự giải quyết được hai bên đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Hợp tác xã N1 và Hợp tác xã H11 ký kết hợp đồng cung cấp giống nghệ đen và phân bón hữu cơ. Trong đó Hợp tác xã H11 cam kết thanh toán cho Hợp tác xã N1 theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Hợp tác xã N1, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Năm 2018 Hợp tác xã Hợp T8 và Hợp tác xã N1 ký hợp đồng số 03/HĐ-KT ngày 29/11/2018 về việc cung cấp giống nghệ đen và phân bón hữu cơ. Sau đó, triển khai thực hiện tại thôn Bản Khoai, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với tổng số hộ gia đình tham gia là 34 hộ, diện tích thực hiện 3,6ha. Hợp tác xã N1 đứng ra thay mặt 34 hộ dân để giao dịch mua bán nghệ với Hợp tác xã H11. Đến tháng 4/2019, sau khi hoàn tất việc thu mua sản phẩm nghệ đen tại xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 31/8/2019 Hợp tác xã N1 và Hợp tác xã H11 đã cùng nhau thống nhất đối chiếu công nợ cụ thể, tính đến ngày 31/8/2019 Hợp tác xã Hợp T8 còn phải thanh toán tiền mua nghệ đen cho Hợp tác xã N1 số tiền 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Đến ngày 12/5/2020 Hợp tác xã N1 và Hợp tác xã H11 đã cùng nhau làm việc và hai bên đã thống nhất về thời gian Hợp tác xã H11 phải trả số tiền đã thu mua nghệ đen của Hợp tác xã N1 là trả trước ngày 12/6/2020. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp tác xã Hợp T8 và Hợp tác xã N1 đều thừa nhận có việc ký kết hợp đồng thu mua nghệ đen, hai bên đã chốt khoản nợ là 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và thời gian Hợp tác xã Hợp T8 phải thanh toán cho Hợp tác xã N1 là trước ngày 12/6/2020. Nhưng Hợp tác xã H11 đến nay vẫn chưa trả được số tiền trên cho Hợp tác xã N1, như vậy là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N1.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Hợp tác xã N1 yêu cầu tính lãi 8%/năm kể từ ngày 12/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2024. Xét thấy, hai bên không có thỏa thuận về lãi nhưng bên mua Hợp tác xã Hợp Thịnh đến nay chưa thực hiện thanh toán số nợ gốc cho Hợp tác xã N1 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn Hợp tác xã N1 yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ chậm trả với mức lãi suất 8%/năm theo Ngân hàng N2 là đúng quy định pháp luật. Cụ thể số tiền lãi tính từ ngày 12/6/2020 đến ngày 06/9/2024 là $1.547 \text{ ngày} \times 8\%/\text{năm} = 91.634.956$ đồng (chín mươi một triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Hợp tác xã N1 không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại Hợp tác xã N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.238.500 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000856, ngày 08/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn Hợp tác xã H11 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 18.094.497 đồng (mười tám triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại

Căn cứ Điều 11; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về áp dụng lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N1.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc Hợp tác xã Hợp Thịnh có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã N1 tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 06/9/2024 là 361.889.956 đồng (ba trăm sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 270.255.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

+ Nợ lãi: 91.634.956 đồng (chín mươi một triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Hợp tác xã N1 có đơn yêu cầu thi hành án thì Hợp tác xã H11 phải trả nợ cho Hợp tác xã N1. Nếu chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Hợp tác xã H11 phải chịu 18.094.497 đồng (mười tám triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước. Hợp tác xã N1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Hợp tác xã N1 số tiền 10.238.500 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000856, ngày 08/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền Thi hành án: Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Duyệt